TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THOẠI SƠN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 141/2023/HNGĐ-ST
Ngày 14 tháng 8 năm 2023
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Hoài Lâm

Các Hội thẩm nhân dân: bà Lê Thị Thường và ông Nguyễn Thành Phước.

Thư ký phiên tòa: bà Huỳnh Tiểu Ngọc – Là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn: không tham gia phiên tòa.

Ngày 14 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 331/2023/TLST-HNGĐ ngày 05/7/2023 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 161/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/8/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Lương Thị Tuyết L, sinh năm 1994.

Địa chỉ: ấp H, xã P, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1991

Địa chỉ: ấp K, xã P, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Nguyên đơn chị L và bị đơn anh T đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn chị Lương Thị Tuyết L trình bày:

Chị với anh Nguyễn Minh T chung sống với nhau vào năm 2013, có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc và có 01 con chung. Tuy nhiên vào tháng 12/2020 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân về tiền bạc và tình cảm. Nhận thấy không thể tiếp tục sống chung với anh T được nữa nên chị L đã quyết định sống ly thân từ tháng 12/2020. Nay chị L yêu cầu như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: chị Lương Thị Tuyết L xin được ly hôn với anh Nguyễn Minh T.

+ Về con chung: có một con chung tên Nguyễn Kim Gia H sinh ngày 15/10/2014 hiện đang sống với anh T. Sau ly hôn chị L đồng ý để anh T tiếp tục nuôi con, cấp dưỡng tự thỏa thuận.

+ Về tài sản chung và nợ chung: không có.

- Tại Tờ tự khai và biên bản hòa giải ngày 03/8/2023 bị đơn anh Nguyễn Minh T trình bày:

Anh với chị Lương Thị Tuyết L chung sống với nhau vào năm 2013, có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Cuộc sống hôn nhân hạnh phúc. Tuy nhiên thời gian gần đây bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau. Nay ý kiến của anh T như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: anh Nguyễn Minh T đồng ý ly hôn với chị Lương Thị Tuyết L.

+ Về quan hệ con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Kim Gia H sinh ngày 15/10/2014 hiện đang sống với anh T. Sau ly hôn anh T yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

+ Về tài sản chung và nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xác định đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn và nuôi con. Bị đơn anh Nguyễn Minh T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp K, xã P, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang, căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn.

[1.2] Nguyên đơn chị Lương Thị Tuyết L và bị đơn anh Nguyễn Minh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào quy định tại khoản 1 điều 227 và khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị L và anh T.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Chị Lương Thị Tuyết L và anh Nguyễn Minh T thừa nhận bắt đầu chung sống với nhau từ năm 2013, có tổ chức đám cưới và đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi sống chung cuộc sống rất hạnh phúc, tuy nhiên thời gian gần đây thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thiếu sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau dẫn đến tình cảm

không còn, vợ chồng cũng chính thức sống ly thân từ tháng 12/2020 cho đến nay. Do tình cảm không còn, không quay lại sống chung với nhau được nữa nên chị L có đơn xin được ly hôn, anh T cũng đồng ý ly hôn. Tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý". Tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cũng quy định: "Trong trường hợp không có đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này". Như vậy, mặc dù chị L và anh T đã chung sống với nhau một thời gian dài và có con chung nhưng về mặt pháp luật không thừa nhận quan hệ giữa anh, chị là vợ chồng nên việc chị L yêu cầu ly hôn với anh T là không phù hợp mà cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lương Thị Tuyết L và anh Nguyễn Minh T.

[2.2] Về quan hệ con chung: chị L và anh T thống nhất vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Kim Gia H sinh ngày 15/10/2014 hiện đang sống với anh T. Tại biên bản lấy ý kiến ngày 03/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, nguyện vọng của cháu H là được tiếp tục sống với anh T sau khi ba mẹ ly hôn. Xét thấy, có đủ căn cứ để giao con chung Gia H cho anh T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con do anh T không yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: không có.

[3] Từ những phân tích trên, yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là chưa phù hợp với quy định của pháp luật, các yêu cầu khác được chấp nhận.

[3] Về án phí: chị L là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 điều 28, điều 35, điều 39, khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228, khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 điều 9, điều 14, khoản 2 điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lương Thị Tuyết L và anh Nguyễn Minh T.

- Về quan hệ con chung: giao con chung Nguyễn Kim Gia H sinh ngày 15/10/2014 (hiện đang sống với anh Nguyễn Minh T) cho anh Nguyễn Minh T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Chị Lương Thị Tuyết L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Minh T và chị Lương Thị Tuyết L cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở nhau trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết. Tuy nhiên sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì chị Lương Thị Tuyết L và anh Nguyễn Minh T phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

2. Về án phí: chị Lương Thị Tuyết L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011940 ngày 05/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang nên đã nộp xong.

3. Về quyền kháng cáo: chị Lương Thị Tuyết L và anh Nguyễn Minh T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã (thị trấn) nơi cư trú để yêu cầu xem xét phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKS huyện Thoại Sơn;
- Chi Cục THADS huyện Thoại Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hoài Lâm